

Số: /ĐA-SNN

Nghệ An, ngày tháng năm 2024

ĐỀ ÁN
TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ ĐÔNG NĂM 2024

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ ĐÔNG NĂM 2023

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Sản xuất vụ Đông 2023 diễn ra trong điều kiện thời tiết bất thuận; đầu vụ gieo trồng chịu ảnh hưởng liên tiếp bởi các đợt mưa lớn (mưa lớn từ ngày 25/09-30/09, và mưa to, lốc xoáy từ 25/10-13/11) đã gây thiệt hại 2.593,5 ha diện tích rau màu các loại. Bên cạnh đó, giá vật tư phân bón vẫn ở mức cao đã ảnh hưởng rất lớn đến đầu tư sản xuất trong vụ Đông.

Nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự cố gắng nỗ lực của người dân trong việc khắc phục thiên tai, đầu tư sản xuất nên vụ Đông năm 2023 đã đạt được kết quả đáng ghi nhận. Sản lượng các cây trồng đạt 333.160,03 tấn/KH 425.770 tấn, đạt 78,25 %.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất

Cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến địa phương luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất.

- UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Chỉ thị sản xuất; Đề án; các Công điện ứng phó với mưa to, bão số 5 và mưa lũ; Thành lập các đoàn chỉ đạo sản xuất, kiểm tra, ứng phó và khắc phục mưa lụt; đã ban hành 01 công văn về chỉ đạo khôi phục sản xuất sau mưa lớn.

- Lãnh đạo Tỉnh, các ban ngành của Sở Nông nghiệp và PTNT đã trực tiếp xuống các địa phương để kiểm tra, chỉ đạo sản xuất và kiểm tra tình hình mưa lớn, chỉ đạo tiêu thoát nước để khắc phục thiệt hại, khôi phục sản xuất sau mưa lớn.

- UBND các huyện, thành phố, thị xã đã ban hành Kế hoạch, Chỉ thị và thành lập Ban chỉ đạo sản xuất, một số địa phương đã trích ngân sách cấp huyện để hỗ trợ

cho nông dân; trực tiếp xuống cơ sở để kiểm tra, chỉ đạo sản xuất, phòng chống mưa to, khắc phục thiệt hại, khôi phục sản xuất sau mưa lụt.

2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch (chi tiết tại phụ lục 1a)

Toàn tỉnh đã gieo trồng và diện tích cho thu hoạch các cây trồng vụ Đông là 33.677,98 ha/KH 35.185 ha, đạt 95,72 %. Sản lượng các cây trồng đạt 333.160,03 tấn/KH 425.770 tấn, đạt 78,25 %. Cụ thể như sau:

- Cây Ngô: Tổng diện tích cho thu hoạch 18.281,23 ha/KH 19.500 ha (đạt 93,75 %). Trong đó: Diện tích thu hoạch ngô lấy hạt 16.619,53 ha/KH 14.500 ha (đạt 114,62 %); năng suất 48,44 tạ/ha/KH 48,5 tạ/ha (đạt 99,88 %); sản lượng 80.497,7 tấn/KH 70.325 tấn (đạt 114,47 %). Diện tích thu hoạch ngô sinh khối 1.661,7 ha/KH 5.000 ha (đạt 33,23 %); năng suất 332,08 tạ/ha/KH 320,0 tạ/ha (đạt 103,78 %); sản lượng 55.182,16 tấn/KH 160.000 tấn (đạt 34,49 %).

- Cây Lạc: Diện tích thu hoạch 954,64 ha/KH 1.400 ha (đạt 68,19 %); năng suất 26,12 tạ/ha/KH 26,5 tạ/ha (đạt 98,57 %); sản lượng 2.493,18 tấn/KH 3.710 tấn (đạt 67,20 %).

- Cây Rau các loại: Diện tích thu hoạch 12.948,96 ha/KH 12.600 ha (đạt 102,77 %); năng suất 140,18 tạ/ha/KH 140,0 tạ/ha (đạt 100,13 %); sản lượng 181.524,44 tấn/KH 176.400 tấn (đạt 102,91 %).

- Cây Khoai lang: Diện tích thu hoạch 1.306,65 ha/KH 1.390 ha (đạt 94,0 %); năng suất 73,12 tạ/ha/KH 70 tạ/ha (đạt 104,46 %); sản lượng 9.554,07 tấn/KH 9.730 tấn (đạt 98,19 %);

- Cây Khoai tây: Diện tích thu hoạch 186,5 ha/KH 295,0 ha (đạt 63,22 %); năng suất 209,57 tạ/ha/ KH 190,0 tạ/ha (đạt 110,0 %); sản lượng 3.908,48 tấn/KH 5.605 tấn (đạt 69,73 %).

2.3. Kết quả ứng dụng và chuyển giao KHCN

a) Kết quả ứng dụng KHCN, TBKT vào sản xuất

- Diện tích rau, quả các loại vụ Đông được công nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và tương đương còn hiệu lực là 541,9 ha tại Nghĩa Đàn, Yên Thành, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, TX Hoàng Mai, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Đô Lương, TX Thái Hòa, TP Vinh, Anh Sơn, Con Cuông, ...;

- Diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ được chứng nhận là 76,67 ha cho cây trồng gồm: cam, rau, ổi, đu đủ, sâm ngưng bàng, dược liệu, chè tại các huyện Thanh Chương, TX Thái Hòa, Nghĩa Đàn, Hưng Nguyên, Diễn Châu, Anh Sơn, Kỳ Sơn và 6,4 ha rau được chứng nhận phù hợp định hướng hữu cơ tại Nam Đàn, Quỳnh Lưu.

- Diện tích sản xuất trong nhà lưới, nhà màng là 46,8 ha với các loại cây có giá trị cao như rau củ các loại, dâu tây, dưa chuột, dưa lưới, hoa ly, nho, ...

b) Kết quả công tác khuyến nông

Công tác khuyến nông, chuyên giao các tiến bộ KHKT được các cấp ngành, địa phương quan tâm để đưa đến các tiến bộ mới cho người dân. Nhiều mô hình cây trồng vụ Đông được đưa vào sản xuất, trong đó điển hình có 27 mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao với tổng diện tích hơn 1.153,55 ha đã góp phần nâng cao giá trị sản xuất. Một số mô hình cho thu nhập và lợi nhuận cao như mô hình dưa chuột, ngô ngọt, bí xanh, ớt cay, rau, ... Trong đó có các mô hình có khả năng nhân rộng như: mô hình trồng ngô sinh khối có liên kết trên địa bàn các huyện Nghĩa Đàn, TX Thái Hòa; Mô hình trồng ngô sinh ngọt, ngô nếp trên địa bàn các huyện Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Tân Kỳ, Đô Lương, TX Thái Hòa; Mô hình trồng bí xanh tại Hưng Nguyên; Mô hình trồng dưa chuột tại TP Vinh, Hưng Nguyên, Cửa Lò; Mô hình trồng rau, quả trong nhà lưới tại Hưng Nguyên, Nghĩa Đàn; Mô hình trồng ớt cay tại Diễn Châu, ...

(Chi tiết hiệu quả các mô hình tại phụ lục 1b)

2.4. Kết quả thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

Diện tích các cây trồng vụ Đông năm 2023 được liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm là 3.096 ha với các cây trồng như ngô sinh khối, ngô ngọt, khoai tây, bí xanh, ớt cay, dược liệu và rau củ quả các loại,...

2.5. Kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách trong vụ Đông năm 2023

UBND tỉnh và các địa phương đã có các chính sách hỗ trợ nông dân trong sản xuất vụ Đông như sau:

- Chính sách của UBND tỉnh:

+ Chính sách hỗ trợ sản xuất ngô, rau màu trên đất lúa và sản xuất khoai tây liên kết bao tiêu sản phẩm theo Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 về mức ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa cho các huyện, thành phố, thị xã để hỗ trợ sản xuất trồng trọt vụ Đông năm 2023 với tổng số tiền hỗ trợ tối đa cho các địa phương là 4.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, kinh phí các huyện, thị xã thực hiện hỗ trợ sản xuất cây vụ Đông năm 2023 với tổng số tiền đề nghị hỗ trợ là 3.089,632 triệu đồng. Trong đó, kinh phí hỗ trợ ngô, rau trên đất lúa, diện tích rau màu các loại (ngô ngọt, ớt cay, dưa chuột) có hợp đồng liên kết, bao tiêu sản phẩm là 2.176,055 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ khoai tây liên kết bao tiêu sản phẩm là 913,577 triệu đồng. Chính sách này đã tạo động lực cho nông dân yên tâm sản xuất, tăng diện tích khoai tây toàn tỉnh và nâng cao thu nhập cho người dân.

+ Chính sách hỗ trợ giống các cây ngô và rau màu để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do mưa bão vụ Đông theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND với số tiền đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ là 3.719,94 triệu đồng đã góp phần hỗ trợ một phần kinh phí giúp người nông dân khôi phục sản xuất, tích cực tái đầu tư sản xuất.

- UBND các huyện, thành, thị có diện tích bị thiệt hại do các đợt mưa bão đã trích ngân sách 10%, với số tiền 413,33 triệu đồng để hỗ trợ cho người dân bị thiệt hại theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND.

- Ngoài ra, có 05/21 huyện gồm: Yên Thành, Quỳnh Lưu, Hưng Nguyên, Tân Kỳ, Con Cuông đã trích ngân sách huyện hỗ trợ nông dân để khuyến khích, thúc đẩy sản xuất vụ Đông với tổng số tiền 323,11 triệu đồng.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì vụ Đông còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Diện tích, sản lượng các cây trồng như ngô sinh khối, lạc, khoai lang và rau các loại đều không đạt so với kế hoạch đề ra. Trong đó: Diện tích lạc, khoai tây có tỷ lệ % so với chỉ tiêu kế hoạch thấp (*lạc đạt 68,19 % KH, khoai tây đạt 63,22 % KH*). Diện tích ngô, rau trên đất lúa 2.115,3 ha/KH 2.648 ha, đạt 79,88 %.

- Diện tích ngô, rau màu bị thiệt hại 2.593,5 ha, trong đó: Diện tích thiệt hại >70% là 1.973,5 ha, diện tích thiệt hại từ 30-70% là 620,1 ha. Người dân phải tiến hành gieo lại, làm tăng chi phí đầu tư.

- Diện tích các cây trồng vụ Đông được liên kết, bao tiêu sản phẩm còn ít (chỉ đạt 9,19 % tổng diện tích thu hoạch).

- Có 06/19 huyện không thực hiện hỗ trợ theo Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 như: TX Hoàng Mai, Thành Phố Vinh, Cửa Lò, Tân Kỳ, TX Thái Hòa, Quế Phong. Các huyện còn lại không thực hiện hết số kinh phí được UBND tỉnh hỗ trợ như: Diễn Châu, Yên Thành, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Đô Lương, Thanh Chương, Quỳnh Hợp và Anh Sơn.

3.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

+ Do ảnh hưởng của mưa lớn từ ngày 25/09-30/09, và 25/10-13/11) đã làm ngập úng gây hư hỏng, thiệt hại một số diện tích các cây màu vụ Đông, người dân phải tiến hành gieo lại.

+ Mặt khác, do mưa lụt đầu vụ liên tục, nên đất sản xuất bị ngập úng dẫn đến không kịp thời vụ gieo trồng. Do vậy, diện tích, sản lượng các cây không đạt kế hoạch đề ra, nhất là diện tích ngô, rau màu trên đất lúa. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến một số huyện không thực hiện hết kinh phí UBND tỉnh giao.

+ Giá cả các loại vật tư nông nghiệp nhất là phân bón vẫn ở mức cao đã ảnh hưởng đến việc tái đầu tư sản xuất của người dân.

- Nguyên nhân chủ quan

+ Công tác tổ chức, chỉ đạo sản xuất vụ Đông của một số cấp ủy, chính quyền cấp cơ sở còn thiếu quyết liệt và thường xuyên; chưa thực sự quan tâm, vận động, tuyên truyền sản xuất nên ảnh hưởng đến việc hoàn thành các chỉ tiêu. Đặc biệt là sản xuất ngô, rau trên đất lúa.

+ Vụ Đông thường bị thiệt hại do mưa bão, chi phí cao dẫn đến hiệu quả sản xuất thấp nên người dân không mặn mà sản xuất.

+ Việc đăng ký kế hoạch sản xuất một số cây trồng ở các địa phương còn chưa sát với tình hình sản xuất thực tế dẫn đến diện tích, sản lượng không đạt so với kế hoạch đề ra.

+ Các huyện Cửa Lò, Quế Phong, Tân Kỳ không có diện tích ngô, rau trên đất lúa và không sản xuất khoai tây liên kết nên không thực hiện chính sách hỗ trợ. Các thành phố, thị xã như: Thành Phố Vinh, TX Hoàng Mai không thực hiện hỗ trợ do người dân không thực hiện các bước lập hồ sơ đăng ký theo quy định. Đối với thị xã Thái Hòa không lập được hồ sơ theo đúng quy định do giống ngô Hi-Brix 53 không có trong Đề án sản xuất vụ Đông năm 2023.

+ Nhân lực cho sản xuất vụ Đông thiếu do nguồn nhân lực lao động nông nghiệp ngày càng già hóa, một số chuyển sang các công việc khác có thu nhập ổn định hơn. Do đó, đây cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến chỉ tiêu diện tích kế hoạch.

+ Sản xuất vụ đông manh mún, không ổn định. Bên cạnh đó, diện tích cây rau màu các loại và cây ngô chiếm đa số nhưng diện tích ngô chủ yếu lấy hạt phục vụ chăn nuôi, rau người dân tự bán do nhỏ lẻ nên nhu cầu liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm của người dân và doanh nghiệp không cao dẫn đến diện tích liên kết bao tiêu sản phẩm còn ít.

+ Vai trò của HTX, chính quyền ở một số nơi chưa thực sự phát huy hiệu quả trong việc tìm kiếm, kết nối doanh nghiệp; bên cạnh đó chưa có các chính sách hấp dẫn để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nên diện tích các cây trồng được bao tiêu sản phẩm còn hạn chế.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỔ CHỨC SẢN XUẤT CÂY TRỒNG NÔNG NGHIỆP VỤ ĐÔNG NĂM 2024

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG NĂM 2024

1.1. Nhận định về khí tượng

Theo Dự báo của Đài Khí tượng – Thủy văn Bắc Trung Bộ tình hình khí tượng, thủy văn từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2024 như sau:

- *Hiện tượng ENSO*: Dự báo từ tháng 8-12/2024, ENSO ở trạng thái La Nina với xác suất 70-90%.

* *Bão và Áp thấp nhiệt đới*: Từ tháng 8 - 12/2024, trên Biển Đông có khả năng xuất hiện khoảng từ 09-11 cơn bão/ATNĐ (xấp xỉ so với TBNN cùng kỳ); trong đó có khoảng 03-04 cơn có khả năng ảnh hưởng đến khu vực tỉnh Nghệ An.

* *Nhiệt độ, nắng nóng*:

- Nhiệt độ trung bình: Tháng 08 - 09/2024 phổ biến cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 0.5-1.0⁰C. Tháng 10-12/2024 phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

- Nắng nóng ở tỉnh Nghệ An còn xảy ra đến tháng 9/2024, tập trung chính trong nửa cuối tháng 7-8/2024. Hiện tượng nắng nóng và nắng nóng gay gắt có khả năng xuất hiện nhiều hơn so với TBNN cùng thời kỳ.

- *Mưa lớn, dông, lốc, sét, mưa đá*: có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh, đặc biệt trong các đợt KKL ảnh hưởng đến tỉnh Nghệ An trong thời kỳ chuyển mùa (từ tháng 10-11/2024).

* *Lượng mưa*:

Tháng 08-11/2024: TLM phổ biến ở mức cao hơn 10-30% so với TBNN. Tháng 12/2024-01/2025: TLM thấp hơn 5-10% so với TBNN cùng thời kỳ.

* *Dự báo thủy văn và nguồn nước*

Từ nửa cuối tháng 8 đến tháng 10/2024, trên các sông tỉnh Nghệ An có khả năng xuất hiện 03 – 05 đợt lũ và dao động. Lũ lớn thường tập trung vào tháng 8, tháng 9. Đỉnh lũ có khả năng ở mức BĐ1- BĐ2, có nơi trên báo động 2. *Nguy cơ xảy ra ngập lụt tại các đô thị, thành phố lớn do ảnh hưởng của mưa lớn cục bộ. Lũ quét, sạt lở đất nguy cơ cao xuất hiện tại các khu vực vùng núi.*

Từ tháng 11 - 01/2025, mực nước trên các sông Nghệ An biến đổi chậm theo xu thế giảm dần. Lượng dòng chảy trên các sông tỉnh Nghệ An có khả năng tương đương hoặc cao hơn so với TBNN từ 10 - 30% cùng thời kỳ.

1.2. Tình hình sản xuất vụ Hè thu – Mùa năm 2024

1.2.1. Về diện tích gieo trồng

Theo báo cáo của các huyện, thành phố, thị xã đến ngày 01/8/2024, tổng diện tích các cây trồng hàng năm vụ Hè Thu - Mùa đã gieo trồng là 97.424 ha/KH 108.380 ha (đạt 89,9 %). Trong đó:

- **Cây lúa**: Tổng diện tích lúa đã gieo cấy: 74.484,06 ha/KH 79.500 ha (đạt 93,69 % so với kế hoạch) tăng so với kỳ trước là 103,83 ha. Trong đó:

+ Diện tích lúa Hè Thu đã gieo cấy: 59.080,71 ha/KH 56.900 ha đạt 103,83% so với kế hoạch. Trong đó: lúa cấy: 21.602,45 ha; lúa gieo thẳng: 37.478,26 ha.

+ Diện tích lúa Mùa: 16.572,7 ha/KH 22.600 ha, đạt 73,33 % so với kế hoạch. Trong đó: lúa cấy: 9.351,37 ha; lúa gieo thẳng: 2.577,3 ha, lúa rẫy: 4.644 ha.

Tính đến 01/8/2024, diện tích lúa Hè thu đã trở trên 16.000 tại các huyện Diên Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Đô Lương...

- **Cây ngô:** Diện tích đã gieo trồng: 8.953 ha/KH 12.000 ha (đạt 74,61 %).
- **Cây vừng:** Diện tích gieo trồng: 2.661,30 ha/KH 2.600 ha (đạt 102,36 %).
- **Cây rau các loại:** Diện tích gieo trồng: 8.490,8 ha/KH 11.400 ha (đạt 74,48 %).
- **Cây lạc:** Diện tích gieo trồng: 367,80 ha/KH 680 ha (đạt 54,09 %).
- **Cây đậu đỗ:** Diện tích gieo trồng: 1.297,70 ha/KH 2.200 ha (đạt 58,99 %).

1.2.2. Nhận xét, đánh giá

- Sản xuất vụ Hè thu – Mùa năm 2024 đến thời điểm hiện tại tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, do chịu ảnh hưởng của rãnh áp thấp bị nén kết hợp với hội tụ gió hoạt động mạnh nên có mưa, rải rác mưa vừa đến mưa to, có nơi mưa rất to và dông trong ngày 30-31/5/2024 đã làm trên 5.500 ha diện tích các cây trồng vụ Hè thu bị ngập úng, trong đó có khoảng 2.000 ha phải gieo trồng lại.

- Hiện nay tại một số vùng diện tích không sản xuất lúa vụ Hè thu, vụ Mùa xen với diện tích sản xuất khá lớn. Những diện tích này sẽ là nơi tạo nguồn thức ăn, nơi tồn lưu, cư trú thuận lợi cho nhiều loại sinh vật gây hại như: Chuột, châu chấu, sâu đục thân, rầy, ... chuyển tiếp từ vụ này sang vụ khác.

- Tình hình sâu bệnh hại chính:

+ Trên cây lúa: Tổng diện tích nhiễm các sâu bệnh hại chính trên 9.500 ha trong đó: Bệnh khô vằn 5.823 ha, chuột 1.869 ha, ốc bươu vàng 1.000 ha, cuốn lá nhỏ 710 ha, ... Tổng diện tích phòng trừ trên 4.000 ha.

+ Trên cây sắn: Bệnh khảm lá sắn phát sinh gây hại trên 2.337 ha, trong đó có 1.034 ha nhiễm nặng. Diện tích nhiễm tập trung tại các huyện Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, Thanh Chương, Đô Lương, Anh Sơn, Con Cuông, Nam Đàn, Yên Thành.

+ Trên các cây trồng khác sâu, bệnh phát sinh gây hại cục bộ, mức độ gây hại nhẹ đến trung bình.

1.3. Nhận định về tình hình sâu bệnh hại vụ Đông 2024

Vụ đông 2024 được dự báo sẽ diễn ra trong điều kiện thời tiết phức tạp, lượng mưa dự kiến cao hơn so với trung bình nhiều năm do đó sẽ ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và diễn biến tình hình phát sinh của sâu bệnh hại cũng như công tác tổ chức phòng trừ. Một số sinh vật gây hại như: Chuột hại, sâu ăn lá, bệnh hại có nguồn gốc trong đất,...có nguy cơ phát sinh gây hại cao trên các cây trồng vụ Đông.

1.4. Thuận lợi, khó khăn trong sản xuất vụ Đông 2024

1.4.1. Thuận lợi

- Cấp ủy Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến địa phương quan tâm vào cuộc để tập trung chỉ đạo, phát triển sản xuất.

- Trung ương, Tỉnh và các địa phương có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp như: Chính sách hỗ trợ khắc phục thiên tai, dịch bệnh, cơ giới hóa, sơ chế bảo quản sản phẩm, liên kết sản xuất, ứng dụng KH-CN vào sản xuất, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn, xây dựng website thương mại điện tử để quảng bá giới thiệu sản phẩm, ... nhằm khuyến khích nông dân yên tâm, đầu tư phát triển sản xuất.

- Đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh với từng loại cây trồng tạo tiền đề cho thực hiện liên kết, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

- Một số diện tích lúa Hè thu không sản xuất sẽ tạo thuận lợi cho sản xuất vụ Đông sớm cũng như mở rộng diện tích sản xuất trên đất lúa.

- Các tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ tưới, nhà lưới, nhà màng và các tiêu chuẩn sản xuất an toàn (VietGAP, hữu cơ,...), cơ giới hóa đã và đang được áp dụng vào sản xuất có hiệu quả sẽ thúc đẩy sản xuất và nâng cao giá trị nông sản.

- Tính đến ngày 31/7/2024, toàn tỉnh có 708 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có 466 HTX hoạt động hiệu quả (160 HTX hoạt động tốt; 306 HTX hoạt động khá), có 278 HTX đã thực hiện liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm cho người dân từ 01- 02 vụ/năm và 94 HTX công nghệ cao. Số HTX thực hiện liên kết, khâu nối cung ứng, tiêu thụ nông sản cho người dân ngày càng tăng và các mô hình liên kết sản xuất (ngô sinh khối, ngô ngọt, rau các loại, khoai tây,...) đã được khẳng định, cho hiệu quả sẽ là điều kiện thuận lợi trong việc thúc đẩy liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp, tạo thu nhập ổn định, bền vững cho nông dân, từ đó nâng cao giá trị nông sản.

- Công tác dự tính, dự báo tình hình thời tiết, thiên tai, thủy lợi, dịch hại cây trồng ngày càng chính xác và cập nhật thường xuyên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo sản xuất, phòng trừ dịch hại, né tránh thiên tai hạn chế thiệt hại.

1.4.2. Khó khăn

- Theo dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn Bắc Trung Bộ, từ tháng 8 – 12/2024 có khoảng 03 - 04 cơn bão/ATNĐ ảnh hưởng đến khu vực Nghệ An. Lượng mưa các tháng từ 8-11/2024 phổ biến ở mức cao hơn 10-30% so với TBNN. Hiện tượng mưa lớn, dông, lốc, mưa đá trong giai đoạn chuyển mùa trùng với thời điểm gieo trồng. Do đó, nguy cơ cao gây thiệt hại và ảnh hưởng lớn đến diện tích sản xuất và sản lượng các cây trồng vụ Đông.

- Công tác chỉ đạo, tổ chức sản xuất và nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp ở một số nơi vẫn chưa thực sự quyết liệt và thường xuyên nên sẽ ảnh hưởng đến việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch cũng như ảnh hưởng đến phong trào sản xuất vụ Đông.

- Nhân lực lao động sản xuất vụ Đông thiếu do xu hướng chuyển dịch sang ngành nghề khác, chất lượng nhân lực thấp do già hóa, trong khi cơ giới hoá khâu làm đất trên đất lúa còn hạn chế nên sẽ ảnh hưởng đến tiến độ, mở rộng diện tích, tiếp cận, áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất.

- Giá cả vật tư nông nghiệp nhất là phân bón được dự báo tăng trong khi giá cả nông sản thiếu ổn định sẽ ảnh hưởng đến phong trào sản xuất của nông dân.

- Nguy cơ chuột, sâu keo mùa thu và các đối tượng cào cào, châu chấu, rệp, sâu xanh, sâu khoang, ... tiềm ẩn phát sinh gây hại đối với cây trồng vụ Đông.

- Hệ thống thủy lợi tuy đã được đầu tư, nâng cấp, cải tạo nhưng vào mùa mưa lũ vẫn chưa đảm bảo khả năng tiêu thoát nước kịp thời, ảnh hưởng đến sản xuất các cây trồng vụ Đông.

- Công tác kết nối, kêu gọi liên kết tiêu thụ sản phẩm cho nông dân còn gặp khó khăn. Đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp nói chung và các cây trồng vụ Đông nói riêng còn thiếu ổn định sẽ ảnh hưởng đến phong trào sản xuất vụ Đông.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU

2.1. Phương hướng

- Tập trung chỉ đạo phân đầu sản xuất đạt mức cao nhất về diện tích, năng suất, sản lượng theo kế hoạch đề ra với phương châm sản xuất an toàn và phát huy mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao, gia tăng giá trị sản xuất, góp phần quan trọng vào hoàn thành kế hoạch sản lượng trồng trọt năm 2025. Trong đó, tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh mở rộng diện tích cây trồng mang lại giá trị kinh tế cao. (*Cây ngô lấy hạt, ngô sinh khối, ngô thu hoạch bắp tươi. Cây rau dầy mạnh diện tích theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao đảm bảo sản phẩm an toàn, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm và hình thành các vùng tập trung chuyên canh*).

- Đẩy mạnh liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và bao tiêu sản phẩm nhằm nâng cao giá trị và ổn định sản xuất.

2.2. Mục tiêu

Toàn tỉnh phân đầu gieo trồng 34.690 ha cây trồng vụ Đông các loại (Ngô, lạc, rau các loại, khoai lang, khoai tây). Trong đó, diện tích trên đất bãi ven sông khoảng 8.650 ha, diện tích đất màu ven biển khoảng 4.700 ha, diện tích trên đất lúa 2.295 ha và diện tích trên đất màu đồng khoảng 19.045 ha. Mục tiêu phân đầu về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng như sau:

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây ngô	19.000		
	<i>Trong đó: Ngô trên đất 2 lúa</i>	<i>1.500</i>		
1.1	Cây ngô lấy hạt	15.000	48,5	72.750
1.2	Ngô lấy thân lá làm thức ăn cho bò	4.000	325	130.000
2	Cây lạc	1.000	26,5	2.650
3	Rau đậu các loại	13.200	140	184.800
	<i>Trong đó: Diện tích rau trên đất lúa</i>	<i>500</i>	<i>140</i>	<i>7.000</i>
4	Khoai lang	1.240	72	8.928
	<i>Trong đó: Diện tích khoai lang trên đất lúa</i>	<i>295</i>	<i>72</i>	<i>2.124</i>
5	Khoai tây	230	200	4.600
	<i>Trong đó: Diện tích khoai tây thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm</i>	<i>173</i>	<i>190</i>	<i>3.287</i>

(Chỉ tiêu cụ thể cho từng huyện, thành, thị ở phần phụ lục 02 kèm theo)

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

3.1. Giải pháp bố trí vùng sản xuất

Căn cứ vào lợi thế từng vùng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý và trình độ thâm canh của các địa phương để có định hướng xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu sản xuất các cây trồng sát với tình hình thực tế, bố trí các vùng sản xuất an toàn gắn với thị trường tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích.

- Đối với sản xuất trên đất lúa: Bố trí sản xuất trên những vùng chủ động tưới tiêu, thoát nước tốt nhằm sản xuất an toàn và đảm bảo thời vụ lúa Xuân năm sau. Ưu tiên sử dụng các loại cây trồng có thời gian sinh trưởng ngắn để gieo trồng.

- Trên đất bãi ven sông, ven biển cần tập trung mở rộng, phát triển những diện tích rau lấy củ, quả cho hiệu quả kinh tế cao như bí xanh, bí đỏ, dưa chuột, khoai tây, ngô ngọt, ... để nâng cao giá trị sản xuất tại các địa phương như Nam Đàn, Đô Lương, Thanh Chương, Anh Sơn, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, ... Đồng thời mở rộng diện tích phải kết hợp với liên kết bao tiêu sản phẩm để giải quyết đầu ra ổn định cho người dân.

- Với những vùng chuyên canh sản xuất các loại rau, củ, quả, cần tập trung chỉ đạo, tuyên truyền để thúc đẩy mở rộng diện tích các loại rau củ quả an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, ... gắn với liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

3.2. Giải pháp về kỹ thuật

3.2.1. Bố trí thời vụ và cơ cấu giống

a) Thời vụ

* Cây ngô:

- Trên đất 2 lúa:

+ Chỉ đạo sản xuất theo vùng tập trung để thuận lợi trong việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất, chủ động tưới tiêu nước. Khuyến cáo trồng ngô sinh khối, ngô thu hoạch bắp tươi và sử dụng giống ngắn ngày để rút ngắn thời gian sinh trưởng, giảm áp lực thời vụ.

+ Tiến hành làm đất và gieo trồng ngô sau khi thu hoạch lúa Hè thu và phải căn cứ vào thời gian sinh trưởng của giống, mục đích trồng ngô lấy hạt, ngô sinh khối hay ngô thu hoạch bắp tươi để bố trí thời vụ thích hợp nhằm đảm bảo thời vụ lúa Xuân năm sau; tùy vào điều kiện thực tế từng địa phương và có thể kết thúc gieo trồng trước 30/9.

- Trên vùng đất cát ven biển thoát nước tốt, vùng đồi vệ, vùng lúa cao cường chuyển sang làm màu: Tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi, đất đủ ẩm, ... tiến hành gieo trồng ngay và kết thúc gieo xong trước ngày 20/9.

- Trên vùng đất màu bãi ven sông: Căn cứ vào thực tế tại địa phương và tình hình thời tiết hết mưa lụt mới tiến hành gieo trồng. Đồng thời lựa chọn giống có thời gian thích hợp để không ảnh hưởng đến thời vụ của vụ kế tiếp.

* *Cây lạc*: Kết thúc gieo trồng trước ngày 15/9.

* *Cây rau các loại*:

- Trên đất 2 lúa, căn cứ vào thời gian thu hoạch lúa Hè thu, thời gian sinh trưởng của từng loại rau và tình hình thời tiết để gieo trồng sao cho thu hoạch trước ngày 05/01/2025 để không ảnh hưởng đến thời vụ lúa Xuân năm sau. Ưu tiên trồng các loại rau có giá trị như bầu bí, dưa chuột, mướp đắng,

- Trên những diện tích đất màu, tùy từng loại cây như rau ăn lá, rau lấy củ, rau lấy quả, ... có thể trồng từ cuối tháng 8 trở đi và gieo trồng nhiều lúa/vụ.

* *Cây Khoai lang*: Trồng từ 10/9 - 05/10. Trên đất lúa, kết thúc trồng trước ngày 15/9 để đảm bảo lúa Xuân năm sau.

* *Cây khoai tây*: Trồng từ ngày 01-10/11.

* *Cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm*: Trên cơ sở kế hoạch cả năm, các địa phương rà soát lại diện tích chưa thực hiện, chuẩn bị tốt giống cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày, ... tranh thủ lúc thời tiết thuận lợi, tập trung chỉ đạo tổ chức trồng mới hoàn thành kế hoạch 2024 đề ra và chuẩn bị nhân giống phục vụ trồng mới kế hoạch năm 2025.

b) Cơ cấu giống:

* *Cây ngô*:

Các địa phương căn cứ vào đặc điểm vùng sản xuất, chân đất, thời vụ, thời gian sinh trưởng giống ngô, mục tiêu sử dụng, khả năng thâm canh của địa phương

mình để lựa chọn các giống ngô phù hợp nhất đưa vào cơ cấu để tập trung chỉ đạo, hướng dẫn nông dân gieo trồng đạt kết quả cao nhất.

- Mỗi địa phương lựa chọn cơ cấu từ 4 - 6 loại giống với phương châm ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng, có khả năng chống chịu tốt với sâu bệnh. Đối với sâu keo mùa thu trên cây ngô, ưu tiên sử dụng những giống ngô chuyển gen nhằm hạn chế gây hại của sâu keo mùa thu.

Trên cơ sở kết quả sản xuất vụ đông các năm trước (diện tích sản xuất, hiệu quả và đề xuất của các địa phương,..) và đặc điểm về năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu của các giống ngô sản xuất trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT khuyến cáo các địa phương đưa vào cơ cấu chủ lực các giống ngô theo mục đích sử dụng, như sau:

- + Cây ngô trồng lấy hạt: DK6919S, NK6101BGT, CP511, NK6275, LVN14.
- + Các giống ngô có sinh khối lớn: NK7328.
- + Ngô lấy bắp ăn tươi: HN68, MX6.

Ngoài ra, căn cứ vào tình hình cụ thể của sản xuất, các địa phương có thể lựa chọn các giống có tại mục B, Phụ lục 03 để đưa vào sản xuất nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất phù hợp và hiệu quả nhất.

(Chi tiết có phụ lục 03)

- Đối với các diện tích ngô trên đất 2 lúa và đất bãi ven sông suối dễ xảy ra ngập lụt: Ưu tiên sử dụng các giống ngô lấy bắp ăn tươi hoặc giống ngô có sinh khối.

- Những vùng trồng ngô sinh khối có hợp đồng thu mua với các đơn vị bao tiêu sản phẩm: Sử dụng các giống ngô có sinh khối lớn, căn cứ vào hợp đồng thu mua và thời gian sinh trưởng của giống để lựa chọn thời gian gieo trồng thích hợp nhằm đảm bảo đúng tiến độ thu hoạch.

* *Cây lạc*: Sử dụng giống L14, L23, L26, sen lai 75/23, TK10, L20,...

* *Cây khoai lang*: Sử dụng các giống: Khoai lang KLC-266, KL20-209, K4,...

* *Cây khoai tây*: Có thể sử dụng các giống khoai tây Atlantic, Marabel, Diamant, Solara,...*(phải có kế hoạch chuẩn bị nguồn giống chất lượng)*,...

* *Các loại rau*: Trên cơ sở đất đai, điều kiện từng vùng, quy trình kỹ thuật đã được tập huấn, các mô hình đã được xây dựng và đánh giá có hiệu quả,... để lựa chọn các giống rau thích hợp cho từng vùng, từng địa phương và có dự báo nhu cầu thị trường tiêu thụ để mở rộng diện tích. Có thể sử dụng các giống rau như:

- Rau lấy lá, hoa:

+ *Bắp cải*: KK cross, Thúy Vân, ...

+ *Súp lơ*: Mantop, Green Magic, Thanh Hoa, ...

+ *Rau cải*: Cải ngọt, cải bẹ mào gà, cải bó xôi, ...

- Rau lấy củ:

- + Cà rốt: Takii 103, Takii 108, Takii 444,...
- + Su hào: B52, B40, Winner, ...
- Rau lấy quả:
 - + Bí xanh: Bí xanh số 1, Nova 209, Green 558, Ruby 456, An Điền 686, ...
 - + Cà chua: Savior, Tre việt số 10, To338, ...
 - + Dưa chuột: GM 222, Cu 46, Cu 33, Maya, Kichi 207,...

(Chi tiết danh mục giống và thời gian sinh trưởng tại phụ lục 04)

Ngoài ra, đối với những diện tích thực hiện liên kết bao tiêu sản phẩm có thể sử dụng các giống khác ngoài những giống nêu tại phụ lục 03, 04 theo đơn đặt hàng của các đơn vị thu mua. Tuy nhiên, phải sử dụng các giống đã được công nhận chính thức hoặc công nhận lưu hành để đảm bảo năng suất, sản lượng.

Chú ý: *Trên cơ sở khung thời vụ và các giống nêu trong Đề án, tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, từng vùng và diễn biến mưa lũ để các địa phương xem xét, tính toán có kế hoạch gieo trồng sát với tình hình thực tế vừa giảm thiểu được thiệt hại do mưa lũ, vừa đảm bảo cho năng suất cao và không ảnh hưởng đến kế hoạch gieo trồng cây trồng vụ Xuân 2025.*

3.2.2. Phân bón

Bón đủ, bón đúng theo hướng dẫn của quy trình thâm canh từng giống đảm bảo cho cây sinh trưởng, phát triển tốt để khai thác tối đa tiềm năng năng suất của các giống. Do đặc thù của sản xuất vụ Đông ở Nghệ An thường xảy ra nhiều đợt mưa lớn, kéo dài, vì vậy sử dụng phân bón cần lưu ý:

- Thực hiện nguyên tắc bón phân cân đối; Tăng cường sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, hữu cơ sinh học hoặc tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp để ủ phân hữu cơ bằng các chế phẩm sinh học,... nhằm giảm thiểu lượng phân bón hóa học, đồng thời giúp cây trồng dễ hấp thu, cho sinh trưởng, phát triển khoẻ chống chịu tốt với điều kiện bất thuận, đồng thời cải tạo tính chất đất.

- Để giảm thất thoát phân do mưa lớn đối với các loại cây trồng, chọn thời điểm bón tùy theo điều kiện thời tiết, từng chân đất và đối tượng cây trồng cụ thể theo quy trình từng cây.

3.2.3. Công tác Bảo vệ thực vật

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo, kiểm tra, giám sát công tác phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng vụ Đông trong đó cần đặc biệt chú ý các đối tượng sâu, bệnh hại chính như: Chuột, châu chấu, sâu keo

mùa thu hại ngô; bọ trĩ, sâu xanh, sâu tơ, rệp các loại, bệnh sương mai, mốc sương, thán thư, đốm lá, héo xanh vi khuẩn, ... hại rau màu.

- Đẩy mạnh áp dụng các tiên bộ kỹ thuật trong sản xuất và phòng chống sinh vật gây hại như: quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hạn chế sử dụng thuốc BVTV hóa học, ưu tiên sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc có nguồn gốc sinh học để phòng trừ theo nguyên tắc 4 đúng.

3.2.4. Công tác thủy lợi

- Tổ chức tốt công tác thủy lợi bằng việc tu sửa, nạo vét kênh mương, công trình, thiết bị cơ điện, nạo vét kênh dẫn, bể hút các trạm bơm. Đảm bảo 100% các máy và công trình đều vận hành tốt phục vụ sản xuất.

- Có phương án chủ động ứng phó khi xảy ra mưa lớn, lũ gây ngập úng đối với cây trồng vụ Đông, trong đó cần quan tâm cây rau, lạc và một số vùng ngô trên đất 2 lúa trong mùa mưa bão.

- Giải quyết tốt nhu cầu nước tưới cho cây rau và ngô trên đất 2 lúa (nhất là thời kỳ ngô trổ cờ, phun râu).

- Cần quan tâm để cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn, như hệ thống thủy lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

3.3. Ứng dụng các tiên bộ KHCN; nhân rộng các mô hình an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ

- Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiên bộ khoa học kỹ thuật, KHCN, cơ giới hóa trong sản xuất và các quy trình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ trên rau, củ, quả các loại... thông qua việc tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ người dân, có các chính sách cũng như thu hút các tổ chức, cá nhân vào để mở rộng những diện tích này.

- Duy trì và phát triển các diện tích rau củ quả an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, các mô hình sản xuất trong nhà lưới, nhà màng,....

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các mô hình đạt kết quả tốt, các tiên bộ kỹ thuật đã được khẳng định, ... để nông dân hiểu và thực hiện.

3.4. Đẩy mạnh liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, quan tâm xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác hoạt động có hiệu quả gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng cơ giới hoá đồng bộ vào sản xuất, bảo quản, chế biến và quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách của trung ương và địa phương đã ban hành, quan tâm ưu tiên nguồn lực từ các Chương trình MTQG để hỗ trợ thực hiện các Dự án/Kế hoạch liên kết sản xuất.

- Kêu gọi các doanh nghiệp đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân để sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp; thường xuyên kiểm tra, giám sát để hỗ trợ, tháo gỡ, xử lý kịp thời các vướng mắc trong việc thực hiện các hợp tác, liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với các hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân và mối quan hệ giữa các thành viên trong hợp tác xã, tổ hợp tác.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động công tác xúc tiến thương mại; tập trung vào việc cung cấp thông tin sản phẩm, tìm kiếm thị trường, thị hiếu và nhu cầu của khách hàng. Đa dạng hóa các hình thức giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp.

3.5. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các sai phạm trong sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,... tại các địa phương theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước. Đảm bảo hàng hoá phục vụ sản xuất, lưu thông trên thị trường có chất lượng tốt, giá cả hợp lý phục vụ kịp thời kế hoạch sản xuất đề ra.

- Các địa phương tổ chức quản lý tốt vật tư nông nghiệp (giống, phân bón, thuốc BVTV,...) trên địa bàn mình đúng theo các quy định của nhà nước.

3.6. Giải pháp cơ chế chính sách

Thực hiện đầy đủ các chính sách của Chính phủ và UBND tỉnh gồm:

- Chính sách hỗ trợ giống, tưới, máy nông nghiệp, hỗ trợ tập trung ruộng đất, hỗ trợ tiêu thụ nông sản theo chuỗi, sản xuất nông sản ứng dụng CNC trong nhà lưới nhà màng, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn, xây dựng website, hỗ trợ tiêu thụ,...trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021.

- Chính sách hỗ trợ nông dân có cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh để khôi phục sản xuất theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sở chế bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của HTX,...theo Nghị Quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Nghệ An.

- Ngoài chính sách của tỉnh đề nghị UBND các huyện, thành, thị cần chủ động trích ngân sách địa phương, khai thác tối đa mọi nguồn lực để thực hiện các chính sách của địa phương, hỗ trợ nông dân đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là mở rộng mô hình có hiệu quả tại địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn Tỉnh về nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Phối hợp với các ngành, các địa phương, các tổ chức trong việc chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án sản xuất vụ Đông 2024. Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo sản xuất, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, nông sản phẩm theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh.

- Chỉ đạo, kiểm tra và giám sát các đơn vị chuyên môn của Sở thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ để hoàn thành tốt các nội dung của đề án.

- Đầu mối khâu nối, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng như: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An,... và các địa phương xây dựng các chương trình tuyên truyền hướng dẫn, khuyến cáo nông dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh hại do cơ quan chuyên môn đề ra.

4.2. Các đơn vị chuyên môn trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT

4.2.1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật

- Phối hợp với các địa phương tuyên truyền; kiểm tra, cập nhật tình hình sản xuất, tình hình dịch hại cây trồng để tham mưu kịp thời các giải pháp trong chỉ đạo sản xuất đạt hiệu quả.

- Thường xuyên phối hợp với Trung tâm Khí tượng thủy văn Bắc Trung bộ để theo dõi, nắm tình hình diễn biến của thời tiết, nhất là tình hình mưa bão, dông lốc và các diễn biến bất thường khác ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Tham mưu đề xuất các phương án để chỉ đạo các địa phương thực hiện các biện pháp ứng phó hiệu quả với những tình huống thời tiết bất thuận để giảm thiểu tối đa thiệt hại đến cây trồng.

- Xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại nếu xảy ra thiên tai do bão, mưa lụt, dịch bệnh cây trồng.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất vụ Đông 2024 trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các ban ngành, địa phương để hướng dẫn ứng dụng và mở rộng các mô hình như: VietGAP, hữu cơ,...

- Xây dựng phương án phòng chống sâu bệnh hại bảo vệ sản xuất vụ Đông gửi các địa phương làm cơ sở tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên kiểm tra, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền phổ biến, chỉ đạo nông dân tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả, không để dịch hại lây lan trên diện rộng gây thiệt hại đến sản xuất.

4.2.2. Chi cục Thủy lợi

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chiến dịch toàn dân ra quân làm thủy lợi nhân ngày 16/10 hàng năm đúng yêu cầu, thiết thực và kết hợp với diệt chuột.

- Kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị trong công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất.

- Phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan xây dựng phương án tiêu, thoát nước kịp thời cho cây trồng vụ Đông khi có mưa, bão lớn gây ngập lụt nhằm giảm thiểu mức thấp nhất thiệt hại do mưa, bão gây ra.

- Đôn đốc để các địa phương, đơn vị khẩn trương tu sửa kênh mương để vận hành tốt trong mùa mưa bão sắp tới, phục vụ sản xuất vụ Đông kịp thời.

4.2.3. Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị, phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thành phố, thị xã để triển khai thực hiện đề án, trong đó chú trọng tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp tham gia sản xuất vụ Đông; hỗ trợ, khuyến khích các HTX tăng cường liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong vụ Đông và triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4.2.4. Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

- Tập trung quản lý, giám sát chất lượng an toàn thực phẩm và kết nối tiêu thụ, xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm giúp sản xuất đạt hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn thực hiện sản xuất an toàn nhất là các sản phẩm rau, củ, quả,...

- Chủ trì kết nối tiêu thụ nông sản, tham mưu phương án tiêu thụ sản phẩm khi có nguy cơ khó khăn trong công tác tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sàn thương mại điện tử, UBND cấp huyện và các ban ngành khác để tổ chức, hướng dẫn, tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản trên địa bàn nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên sàn thương mại điện tử.

4.2.5. Trung tâm Khuyến nông

- Tổ chức tuyên truyền Đề án sản xuất cây trồng vụ Đông, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật để sản xuất thâm canh cây trồng vụ Đông đến tận người sản xuất thông qua các lớp tập huấn, đào tạo.

- Xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật mới, ứng dụng công nghệ cao. Phối hợp với các địa phương mở rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế cao, mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm, ... và các tiến bộ kỹ thuật mới khác.

4.2.6. Trung tâm Giống cây trồng

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu, chọn tạo và phục tráng giống cây trồng.

- Tổ chức triển khai, bố trí địa điểm để theo dõi, đánh giá về thời gian sinh trưởng, tiềm năng năng suất của các giống được cơ cấu tại Đề án này để có báo cáo đánh giá ở cuối vụ gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT qua (Phòng Quản lý kỹ thuật và KHCN).

4.2.7. Các đơn vị khác thuộc Sở: Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình để triển khai, thực hiện góp phần vào thắng lợi sản xuất vụ Đông 2024.

4.3. Các tổ chức chính trị xã hội

Căn cứ nhiệm chức năng nhiệm vụ chính trị của mình xây dựng chương trình hành động thiết thực để lãnh đạo các cấp hội vận động hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ Đông 2024.

4.4. UBND các huyện, thành phố, thị xã

a) Trên cơ sở Đề án sản xuất cây trồng vụ Đông 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT, căn cứ vào đặc điểm địa hình, đất đai, khí hậu và trình độ thâm canh, ... của địa phương mình để xây dựng kế hoạch, đề án sản xuất vụ Đông cụ thể, sát với thực tế địa phương nhằm phát huy tối đa các lợi thế sẵn có. Đề án, kế hoạch phải thể hiện sự phấn đấu cao, các chỉ tiêu phải vượt trội và các giải pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện phải tích cực, quyết liệt để đảm bảo giành thắng lợi.

b) Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và công tác chỉ đạo sản xuất ở địa phương trên các phương diện:

- Tổ chức chỉ đạo sản xuất một cách quyết liệt, phân vùng để chỉ đạo sản xuất để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Chỉ đạo sản xuất theo vùng tập trung để thuận lợi trong việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất, chủ động tưới tiêu nước nhất là diện tích ngô, rau trên đất lúa để tăng diện tích.

- Tổ chức chỉ đạo diệt chuột bảo vệ cây vụ Đông tập trung, ngay từ đầu vụ kết hợp với toàn dân ra quân làm thủy lợi, khơi thông dòng chảy.

- Theo dõi diễn biến thời tiết và có các biện pháp phòng chống trong mùa mưa bão. Xây dựng phương án tiêu úng, thoát nước khi có mưa to, bão lụt xảy ra, thống kê tổng hợp tình hình thiệt hại, báo cáo Chi cục Trồng trọt và BVTV để tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT phương án xử lý kịp thời.

- Thành lập Ban chỉ đạo sản xuất vụ Đông cấp huyện; Phân công lãnh đạo UBND huyện, lãnh đạo các phòng, ban phụ trách chỉ đạo và chịu trách nhiệm cụ thể từng xã, cụm xã, phường, thị trấn. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn nông dân thực hiện đúng các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế ảnh hưởng của thời tiết và sâu bệnh hại.

- Chỉ đạo Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tăng cường giám sát đồng ruộng, thực hiện tốt nhiệm vụ điều tra phát hiện, dự tính dự báo và chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng, trong đó chú ý các đối tượng như: chuột, sâu keo mùa thu hại ngô, ...Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ về tiến độ sản xuất, tình hình sinh vật gây hại cây trồng theo quy định.

- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra để quản lý chất lượng giống, các loại phân bón và thuốc BVTV trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp cung ứng vật tư nông nghiệp không đảm bảo chất lượng để bảo vệ tốt quyền lợi cho người nông dân.

- Căn cứ vào khả năng, điều kiện của địa phương để ban hành các cơ chế hỗ trợ nông dân về: Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, KHCN cao vào sản xuất, phòng trừ sâu bệnh hại,... ngoài chính sách của Tỉnh và Trung ương.

d) Đầu mối mời gọi các tổ chức, cá nhân vào xây dựng, mở rộng các mô hình liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm cây trồng vụ Đông để phát huy hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân.

e) Phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan để hướng dẫn, tuyên truyền, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng thêm phương thức bán hàng trên sàn thương mại điện tử nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

f) Dự báo nhu cầu thị trường để có phương án sản xuất rải vụ thích hợp, phát triển mở rộng diện tích nhất là các loại rau, củ, quả đảm bảo an toàn theo các tiêu chuẩn, hình thành các vùng rau chuyên canh gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm nhằm ổn định đầu ra cho nông dân.

g) Phối hợp với Chi cục Trồng trọt và BVTV để hướng dẫn, tuyên truyền các tổ chức, cá nhân trên địa bàn về các thủ tục để đăng ký mã số vùng trồng theo quy định tại Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

h) Phối hợp với các Chi cục thống kê để thống kê, thống nhất số liệu định kỳ báo cáo tiến độ sản xuất về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để tổng hợp tham mưu Sở báo cáo UBND tỉnh và Cục Trồng trọt. Trường hợp cần thiết và đột xuất Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật sẽ có công văn gửi các địa phương.

4.5. Các đơn vị cung ứng, doanh nghiệp, Hợp tác xã

- Các đơn vị cung ứng giống và vật tư, phân bón, Thuốc BVTV: Căn cứ vào Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT để chủ động ký hợp đồng và chuẩn bị

đủ vật tư nông nghiệp về giống, phân bón, thuốc BVTV, ... đảm bảo chất lượng, đúng cơ cấu đã được phê duyệt trong Đề án này, cung ứng kịp thời phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

- Các doanh nghiệp, HTX bao tiêu sản phẩm cần tăng cường mở rộng các mô hình liên kết và bao tiêu các sản phẩm cây trồng vụ Đông với nông dân hoặc tổ chức đại diện nông dân như Hợp tác xã để ổn định đầu ra, nâng cao hiệu quả sản xuất.

V. ĐỀ NGHỊ

Vụ Đông năm 2024 là vụ sản xuất sẽ đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức như thiên tai (bão, mưa lụt) và các loại dịch hại có nguy cơ phát sinh gây hại nặng như: chuột, sâu keo mùa thu, ... Do đó, để đảm bảo giành được thắng lợi, Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị UBND tỉnh:

1. Ban hành Chỉ thị về tăng cường sản xuất vụ Đông năm 2024 để huy động các nguồn lực, tập trung chỉ đạo hoàn thành thắng lợi sản xuất Đông năm 2024.

2. Chỉ đạo các ngành, các cấp và UBND các huyện, thành, thị tăng cường công tác chỉ đạo một cách quyết liệt, thường xuyên như: Ban hành các văn bản chỉ đạo; Thành lập ban chỉ đạo sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây trồng vụ Đông; Đồng thời trích ngân sách huyện để khuyến khích, hỗ trợ bà con nông dân trong sản xuất.

3. Các cơ quan thông tin đại chúng: Đài phát thanh - truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An và các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn dành thời lượng ưu tiên cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông thôn, các biện pháp kỹ thuật trong vụ Đông 2024. Phối hợp với các cấp, các ngành kịp thời đưa tin, biểu dương những đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt và nhắc nhở những địa phương, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt.

Trên đây là những nội dung chính của Đề án sản xuất trồng trọt vụ Đông năm 2024; Sở Nông nghiệp và PTNT rất mong nhận được sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ, các Đoàn thể, UBND Tỉnh, sự phối hợp tạo điều kiện của các ngành, các huyện, thành, thị và sự hưởng ứng nhiệt tình của bà con nông dân trên toàn tỉnh nhằm mục tiêu đạt được kết quả cao trong vụ Đông năm 2024./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Nguyễn Văn Đệ PCT UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh (để phối hợp);
- Các Đ/c Bí thư Huyện, thành, thị ủy;
- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT (để chỉ đạo);
- UBND các huyện, thành, thị (để triển khai thực hiện);
- Các cơ quan thông tin đại chúng (để theo dõi, đưa tin);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Các phòng, đơn vị của Sở NN&PTNT (để thực hiện);
- Website Sở;
- Lưu VT, QLKT&KHCCN, TT&BVTV.

GIÁM ĐỐC

Phùng Thành Vinh

Phụ lục 1a:**KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2023**

TT	Chỉ tiêu	Vụ Đông 2022	Vụ Đông 2023	So sánh 2023/2022		Kết quả vụ Đông 2023 so với kế hoạch	
				Tăng (+)	%	Tăng (+)	%
				Giảm (-)		Giảm (-)	
1	Cây Ngô						
	Tổng diện tích gieo trồng (ha)	18.406,28	18.281,23	-125,05	99,32	-1.218,8	93,75
	Tổng diện tích thu hoạch (ha)	18.192,61	18.281,23	88,62	100,49	-1.218,8	93,75
1.1	- Diện tích gieo trồng ngô lấy hạt (ha)	16.465,42	16.619,53	154,11	100,94	2.119,5	114,62
	- Diện tích thu hoạch ngô lấy hạt	16.251,75	16.619,53	367,78	102,26	2.119,5	114,62
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	48,90	48,44	-0,46	99,06	-0,1	99,88
	- Sản lượng (tấn)	79.473,70	80.497,70	1.024,00	101,29	10.172,7	114,47
1.2	Diện tích gieo trồng ngô sinh (ha)	1.940,86	1.661,70	-279,16	85,62	-3.338,3	33,23
	Diện tích ngô sinh thu hoạch (ha)	1.940,86	1.661,70	-279,16	85,62	-3.338,3	33,23
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	327,59	332,08	4,49	101,37	12,1	103,78
	- Sản lượng (tấn)	63.581,34	55.182,16	-8.399,18	86,79	-104.817,8	34,49
2	Cây Lạc						
	- Diện tích gieo trồng (ha)	1.021,18	954,64	-66,54	93,48	-445,4	68,19
	- Diện tích thu hoạch (ha)	1.019,15	954,64	-64,51	93,67	-445,4	68,19
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	26,85	26,12	-0,73	97,28	-0,4	98,57
	- Sản lượng (tấn)	2.736,42	2.493,18	-243,24	91,11	-1.216,8	67,20
3	Cây Rau các loại						
	- Diện tích gieo trồng (ha)	12.357,27	12.948,96	591,69	104,79	349,0	102,77
	- Diện tích thu hoạch (ha)	12.275,45	12.948,96	673,51	105,49	349,0	102,77
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	142,18	140,18	-2,00	98,59	0,2	100,13
	- Sản lượng (tấn)	174.532,01	181.524,44	6.992,43	104,01	5.124,4	102,91
4	Cây Khoai lang						
	- Diện tích gieo trồng (ha)	1.301,48	1.306,65	5,17	100,40	-83,3	94,00
	- Diện tích thu hoạch (ha)	1.300,81	1.306,65	5,84	100,45	-83,3	94,00
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	70,07	73,12	3,05	104,35	3,1	104,46
	- Sản lượng (tấn)	9.114,37	9.554,07	439,70	104,82	-175,9	98,19
5	Cây Khoai tây						
	- Diện tích gieo trồng (ha)	286,35	186,50	-99,85	65,13	-108,5	63,22
	- Diện tích thu hoạch (ha)	285,35	186,50	-98,85	65,36	-108,5	63,22
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	192,64	209,57	16,93	108,79	19,6	110,30
	- Sản lượng (tấn)	5.496,98	3.908,48	-1.588,50	71,10	-1.696,5	69,73

Phụ lục 1b: CÁC MÔ HÌNH THỰC HIỆN TRONG VỤ ĐÔNG 2023

TT	Địa điểm	Tên mô hình sản xuất	Diện tích (ha)	Thu nhập (triệu đồng/ha)	Ghi chú
1	Xã Diễn Hoàng, Hùng, Mỹ, Phong, Kỳ, Thành, An, Trung, Phong, huyện Diễn Châu	Khoai tây	60	160-180	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
2	Xã Hậu Thành, Viên Thành, ... huyện Yên Thành	Khoai tây	6,5	120-150	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
3	Xã Tam Sơn, huyện Anh Sơn	Khoai tây	13	130	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
4	Xã Long Xá, huyện Hưng Nguyên	Bí xanh	08	300	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
5	Xã Long Xá, huyện Hưng Nguyên	Dưa chuột	04	320	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
6	Xã Minh Thành, huyện Yên Thành	Dưa chuột trên đất lúa	10	200-250	
7	Phường Nghi Hương, Nghi Hòa, Nghi Thu, TX Cửa Lò	Dưa chuột	30	280-300	
8	Phường Đông Vinh, TP Vinh	Dưa chuột	04	500-550	
9	Xã Nghĩa An, Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Đàn	Dưa lưới	3,2	150-200	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
10	Xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc	Hành tằm hướng VietGAP	1,95	300-350	
11	Xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên	Rau, quả các loại trong nhà lưới	0,5	150	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
12	Xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc	Rau cải hướng VietGAP	7,2	130-135	
13	Xã Nghi Liên, TP Vinh	Rau an toàn	13	130-140	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
14	Xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu	Ớt cay	20,9	180-200	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
15	Huyện Nghĩa Đàn	Ngô sinh khối	700	40	Liên kết tiêu thụ sản phẩm

16	TX Thái Hòa	Ngô sinh khối	80	40	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
17	Nghi Hương, Nghi Hòa, TX Cửa Lò	Ngô nếp	45	100-120	
18	Xã Nghĩa Hợp, huyện Tân Kỳ	Ngô ngọt	05	60	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
19	Xã An Hòa, Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu	Ngô ngọt	30	60	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
20	Xã Thuận Sơn, huyện Đô Lương	Ngô ngọt	33	50	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
21	Xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu	Ngô ngọt	7,3	120-130	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
22	Xã Tây Hiếu – TX Thái Hòa	Ngô ngọt	15	50-60	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
23	Phường Nghi Hương, Nghi Hòa, T.X Cửa Lò	Khoai lang	45	90-110	
24	Xã Long Xá, huyện Hưng Nguyên	Sâm ngưi bàng	02	200	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
25	Xã Tân Thành, Vĩnh Thành, Tây Thành, Nam Thành, ...huyện Yên Thành	Trồng hoa	03	120-150	
26	Phường Nghi Hương, Nghi Hòa, Nghi Thu, TX Cửa Lò	Trồng hoa cúc	01	250-300	
27	Xã Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn	Cây dược liệu	05	250	Liên kết tiêu thụ sản phẩm

Phụ lục 03: Danh sách các giống ngô được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức, công nhận lưu hành và đã đưa vào sản xuất trong vụ Đông tại Nghệ An

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Đông (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
A	GIỐNG CHỦ LỰC			
1	NK7328	120 - 125	55-60	Ngô sinh khối lớn
2	DK6919 S	105 - 110	55-60	Giống chuyên gen, lấy hạt
3	CP511	105 - 110	55-60	Ngô lấy hạt
4	NK 6275	115 - 120	50-55	Ngô lấy hạt
5	LVN14	107 - 110	50-55	Ngô lấy hạt
6	NK6101BGT	110 - 115	50-55	Giống chuyên gen, lấy hạt.
7	HN68	65 - 70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
8	MX6	65 - 70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
B	NGOÀI RA CÓ THỂ SỬ DỤNG CÁC GIỐNG SAU			
I	NGÔ LẤY HẠT			
1	LVN10	117 - 120	55-60	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
2	PAC 339	115 - 120	55-60	
3	P 4311	115 - 120	50-55	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
4	P4199	110 - 115	55-60	
5	TC14-1	110 - 115	55-60	
6	PAC 789	110 - 115	55-60	
7	PAC 995	110 - 115	55-60	
8	CP519	110 - 115	55-60	
9	VS201	110 - 115	55-60	
10	CP111	110 - 115	55-60	
11	CP311	110 - 115	55-60	
12	PSC 102	105 - 110	55-60	
13	CP512	105 - 110	55-60	
14	MK668	105 - 110	55-60	
15	CS71	105 - 110	55-60	

16	SSC2095	105 - 110	55-60	
17	SSC131	105 - 110	55-60	
18	VS36	105 - 110	55-60	
19	HN45	105 - 110	55-60	
20	LVN61	105 - 110	55-60	
21	SSC557	100 - 110	55-60	
22	LVN17	102 - 110	50-55	
II	NGÔ CHUYÊN GEN			
1	NK7328Bt/GT	120 - 125	55-60	Giống chuyên gen
2	PAC999 Super S	120 - 125	55-60	Giống chuyên gen
3	NK4300Bt/GT	115 - 120	55-60	Giống chuyên gen
4	NK67Bt/GT	115 - 120	55-60	Giống chuyên gen
5	NK66Bt/GT	110 - 115	55-60	Giống chuyên gen
6	8282 S	110 - 115	55-60	Giống chuyên gen
7	CP 501S	105 - 110	55-60	Giống chuyên gen
III	NGÔ CÓ SINH KHỐI LỚN			
1	AVA3668	105 - 110	50-55	Có sinh khối lớn
2	AG69	105 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
3	SSC 586	105 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
4	PSC 747	100 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
IV	NGÔ THU HOẠCH ĂN TƯƠI			
1	HN92	70 - 75	50-55	Thu hoạch ăn tươi
2	HN90	70 - 75	50-55	Thu hoạch ăn tươi
3	Fancy 111 (Nếp tím)	70 - 75	50-55	Thu hoạch ăn tươi
4	MX10	65 - 70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
5	Thái Ngọt số 2	65 - 70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
6	TBM 18	65 - 70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
7	Ngô nếp Bạch Long	65 - 70	50-55	Thu hoạch ăn tươi
8	NT 98	65 - 70	50-55	Thu hoạch ăn tươi
8	HN88	62 - 65	45-50	Thu hoạch ăn tươi
10	ADI688	62 - 65	45-50	Thu hoạch ăn tươi
11	ADI668	62 - 65	45-50	Thu hoạch ăn tươi

Ghi chú: Số thứ tự của các giống chủ lực sắp xếp theo diện tích giảm dần, các giống còn lại sắp xếp theo thời gian sinh trưởng

Phụ lục 04: Danh sách các giống lạc, rau, khoai lang, khoai tây đã sản xuất trong vụ Đông tại Nghệ An

TT	Tên giống	TGST vụ Đông (ngày)	Ghi chú
I	Giống lạc		
1	L14	105 - 110	
2	L23	100 - 105	
3	L26	95 - 100	
4	Sen lai 75/23	110 - 115	
5	TK10	108 - 110	
6	L20	105 - 110	
II	Giống rau		
1	Bắp cải		
-	KK Cross	80 - 85	
-	Thúy Vân	80 - 90	
2	Súp lơ		
-	Man top	100 - 105	
-	Green Magic	100 - 105	
-	Thanh Hoa	100 - 105	
3	Rau cải		
-	Cải ngọt	40 - 45	
-	Cải bẹ mào gà	30 - 35	
-	Cải bó xôi	45 - 55	
4	Cà rốt		
-	Takii 103	100 - 105	
-	Takii 108	100 - 105	
-	Takii 444	100 - 105	
5	Su hào		
-	B52	30 - 35	
-	B40	35 - 40	
-	Winner	40 - 45	
6	Bí xanh		
-	Bí xanh số 1	100 - 110	
-	Bí xanh Ruby 456	75-80	
-	Nova 209	75 - 80	
-	An Điền 686	80 - 85	
-	Bí xanh Green 558	85 - 90	
7	Cà chua		
-	Savior	90 - 110	
-	Tre việt số 10	120 - 135	
-	To 338	90 - 100	
8	Dưa chuột		
-	GM 222	80 - 85	
-	Cu 46	80 - 85	
-	Cu 33	80 - 85	
-	Maya	75 - 80	thu trái bao tử

-	Kichi 207	75 - 80	thu trái bao tử
III	Giống khoai lang		
1	KLC-266	100 - 105	
2	KL20-209	110 - 115	
3	K4	105 - 110	
IV	Giống khoai tây		
1	Atlantic	85 - 90	
2	Marabel	85 - 90	
3	Diamant	85 - 90	
4	Solara	80 - 90	